

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
MEDIPHARCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2025 (Số liệu Tài chính đã kiểm toán)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: 74 554 060 000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Thuận hoá, Thành phố Huế.
- Điện thoại : (84) 0234 3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : medipharco@medipharco.com.vn
- Website www.medipharco.com / www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu: MTP

a. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị

tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10 000 000 000 đồng (Mười tỷ đồng)

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20 000 000 000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

Năm 2019: sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**; **Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập;**

Năm 2020: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT (gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát (Gồm 3 thành viên) nhiệm kì 4 (2020-2025). Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :

- + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
- + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:
- + Thay đổi Tổng giám đốc.

Năm 2021: Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu về việc Bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh;

Năm 2022:

- + Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đã thông qua việc Phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2021. Vốn Điều lệ thay đổi là 74.554.060.000 VNĐ, đồng thời thay đổi Giấy đăng kí kinh doanh lần thứ 12 ngày 22/09/2022 sau khi tăng vốn Điều lệ và bổ sung Ngành nghề kinh doanh
- + Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán (Lần đầu ngày 13/08/2010)- Đăng kí thay đổi lần thứ 5 ngày 16/09/2022: Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch tại HNX đã thay đổi sau khi phát hành cổ phiếu là : 7.455.406 cổ phiếu.

Thay đổi trong năm 2025:

- Thay đổi Tên gọi của địa chỉ của doanh nghiệp từ ngày 01/07/2025 thành: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế theo quyết định của Quốc hội về quản lí đơn vị hành chính 2 cấp
- Thay đổi giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 14 ngày 13/08/2025 theo Tên gọi mới từ ngày 1/7/2025
- Thay đổi các giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất- kinh doanh- Xuất nhập khẩu- Dịch vụ bảo quản theo Tên gọi mới của Giấy ĐK doanh

ngành đã thay đổi Tên gọi

- *Bầu lại Hội đồng quản trị- Ban kiểm soát, chỉ định Thư kí HĐQT, Kế toán trưởng, Người quản trị nội bộ, bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Doanh nghiệp nhiệm kì 5(2025-2030)*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh đăng kí đến thời điểm 31/12 năm 2025: Không thay đổi so với năm 2024

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng



Cơ cấu Công ty gồm:

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch , Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có!

4. Mục tiêu – Định hướng phát triển năm 2026 của HĐQT:

- Tiếp tục thực hiện các Mục tiêu – định hướng phát triển – Chỉ tiêu kế hoạch tổng thể nhiệm kì 5 (2025-2030) đã được ĐHĐCĐTN 2025 thông qua
- Đáp ứng ứng Mục tiêu chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam để ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng

bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân

c) Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Doanh nghiệp: Xây dựng, củng cố và phát triển Thương hiệu “MEDIPHARCO”; Phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng; Tuân thủ các giải pháp bảo vệ Môi trường

d) Phương hướng phát triển năm 2026: Tiếp tục:

- Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc công nghệ mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh.... phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của doanh nghiệp cũng như đáp ứng Danh mục sản phẩm cho các Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy công nghệ cao - tiêu chuẩn EU trong tương lai.
- Nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lý theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối;
- Tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN, đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư của doanh nghiệp.
- Tiếp tục Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Xây dựng chiến lược đẩy mạnh kinh doanh nhóm sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp
- Tiếp tục Xúc tiến thương mại, Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á...; Phát triển đăng ký lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu
- Tiếp tục các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Quản trị dòng tiền có hiệu quả để giảm công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn;
- Áp dụng, triển khai thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong doanh nghiệp
- Phương hướng Đầu tư phát triển doanh nghiệp:
 - Hoàn thành Dự án Đầu tư xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP
 - Nghiên cứu báo cáo khả thi, tìm đối tác trong và ngoài nước và xác định hình thức hợp tác góp vốn, xây dựng phương án tối ưu để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU
 - Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với TP. Huế Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO.

5. Các rủi ro:

- ❖ Luật Dược số 44/2024/QHH ban hành ngày 21/11/2024 đã có hiệu lực từ ngày 1/1/2025 ; Theo đó có những sửa đổi, bổ sung Nghị định- các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế theo hướng quản lý chặt chẽ , đồng thời cũng còn một số nội dung bất cập , khó khăn về Đăng kí thuốc; Khó khăn Về Đấu thầu; Về Thực hiện quản lý thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực..... sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của các doanh nghiệp ngành dược
- ❖ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) ; Đặc biệt nguồn nguyên liệu, Tá dược SX thuốc khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá tăng đột biến , không ổn định tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ❖ Năm 2026 doanh nghiệp sẽ tiến hành đầu tư nhiều Dự án và tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống phụ trợ update theo GMP-WHO sẽ dẫn đến bất cập Liên quan Chi phí vay ngân hàng vì Vốn Điều lệ của DN thấp sẽ chi phí tài chính tăng sẽ ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

II. **Tình hình hoạt động trong năm 2025:**

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

a) **Trong năm 2025 - năm đầu tiên của nhiệm kì HĐQT lần thứ 5 (2025-2030)**

Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lý nhà nước theo Luật Dược hiện hành và các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh;
- Chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp
- Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển , giá điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định
- Khó khăn bất cập về việc cấp số đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SĐK ; Về đấu thầu thuốc; Về Kê khai Giá thuốc; Về Thực hiện quản lý thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp

b) **Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:**

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát được ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN

- HĐQT- Ban kiểm soát của nhiệm kì 5 được bầu lại nhưng không có sự thay đổi biến động về nhân sự
- Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty

c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- ❖ Hoạt động sản xuất: Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất, nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ –đạt 111%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Về tình hình kinh doanh:
 - Năm 2025 MPC đã cơ cấu lại doanh thu các nhóm hàng kinh doanh theo hướng giảm bớt doanh thu nhóm hàng thành phẩm nhập khẩu, kinh doanh nội địa, mở rộng phát triển doanh thu hàng sản xuất tại doanh nghiệp đạt 890 tỷ → nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn 112% /KH và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC
 - MPC tiếp tục tham dự và trúng thầu các gói thầu quốc gia
- ❖ Thị trường xuất khẩu : tiếp tục duy trì, mở rộng, phát triển ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu vượt mốc 2 triệu USD, tạo nguồn ngoại tệ dự trữ phục vụ Nhập khẩu. Đã có hơn 60 số ĐK thuộc được cơ quan quản lí được nước ngoài cấp phục vụ xuất khẩu!
- ❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.
- ❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính ngày càng được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả
- ❖ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:
 - Lợi nhuận trước thuế thực hiện 23,3 tỷ đồng – đạt 96% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua
 - Lợi nhuận sau thuế: 18.1 tỷ đồng – đạt 101%% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua

d) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: 1 000 đ

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH năm 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.292,137	990	890	90%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,574	24,174	23.315	96%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,804	17,840	18,132	101%

2. Tổ chức và nhân sự**a. Danh sách Ban điều hành:**❖ Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị NK5	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT NK5 – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT NK5 (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kì 5 – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Phan Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 5
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 5

❖ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

• **Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Quê quán	Phủ Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	0234 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – 2020	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Từ 2020 đến hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	96 505 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	450 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

• **TVHĐQT- Tổng giám đốc:**

Họ và tên	Hoàng Ngọc Hoài Phong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CCCD	045072000031 cấp ngày 27/8/2022- Cục QLHC và TTXH
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp HCM
2006-2008	Thanh viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thanh viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	625 266 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	37 631 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

• **TVHĐQT:**

Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CCCD	038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng B707, chung cư The Legend số 109 Nguyễn Tuân , Phường Nhân Chính , Quận Thanh xuân - Hà nội
Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email	0902252729_email: hoang.tenamyd@yahoo.com
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp

Quá trình công tác:	
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s r l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1 131 196 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:** Không Thay đổi như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2025		31/12/ 2025	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị:</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96 505	1,29	96 505	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	625 266	8,39	625 266	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1 131 196	15,17	1 131 196	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1 196	0 016%	1 196	0 016%
2	Phan Thanh Hà	Thành viên	0	0%	0	0%
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

b. **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không thay đổi!

c. **Số lượng cán bộ, nhân viên Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

❖ **Tổng số lao động có đến 31/12/2025:** 211 người

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- ❖ Tiếp tục đầu tư Thiết bị sản xuất, Nghiên cứu, Quản lý chất lượng đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng sản phẩm sản xuất tại Doanh nghiệp theo KH 2025, góp phần nâng công suất nhà máy, giảm hư hao, Giảm chi phí, giảm giá thành bảo đảm cạnh tranh trên thị trường
- ❖ Hoàn chỉnh Đầu tư nâng cấp hệ thống phụ trợ bao gồm: Hệ thống PCCC Khu vực xưởng VCB-Kho GSP – QC và tòa nhà văn phòng; Hệ thống cung cấp nước Tinh khiết; Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy để đạt tiêu chuẩn theo quy định mới!
- ❖ Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện và quyết toán năm 2025: **7.2 tỷ đồng**
- ❖ Đã Triển khai Dự án giai đoạn 2:
 - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp lần 2 và được cấp lại
 - Lập quy hoạch rút gọn 1:500 và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án giai đoạn 2
 - Triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để Cấp Giấy phép Môi trường cho khu vực Khu CN Phú bài và các khu vực SX-KD hiện tại của Doanh nghiệp và đang chờ cấp giấy phép
- ❖ Triển khai Dự án nâng cấp Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài cho kho GSP và khu vực sản xuất thực phẩm
- ❖ Tiếp tục Nghiên cứu Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO tại tỉnh TT Huế
- ❖ Đang Hợp tác đối tác nghiên cứu Dự án Tiền khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn châu Âu (GMP-EU)

b. Các công ty con, công ty liên kết : Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2025, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024 ĐVN	Năm 2025 ĐVN	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	627 180 073 685	613 826 763 444	98
Doanh thu thuần/Net revenue	1 286 901 650 959	890 044 587 906	69
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	21 574 068 799	25 189 220 425	117
Lợi nhuận khác/ Other profits	187 919 709	1 122 500 304	597
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	21 574 068 799	23 315 505 102	108
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	17 804 025 610	18 132 849 284	102
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	10%	Theo ĐHĐCĐ 2026	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú/Note
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1546	1,178	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,969	0,924	
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,82	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	4,66	4,07	
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
c. Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	11,56	7,36	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,05	1,45	
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0138	0,02	

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú/Note
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,1608	0,145	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0161	0,028	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2025	31/12/2025	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	7 455 406	7 455 406	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	7 450 806	7 450 806	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4 600	4 600	
4	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4 600	4 600	
5	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần			

b. Cơ cấu cổ đông: Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2025	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	57,68	57,68	
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	42,32	42,32	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53	10,53	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47	89,47	
5	Cổ đông trong nước	%	99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài	%	0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước	%	0	0	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có!

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4 600 cổ phiếu
- ❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

e. Các chứng khoán khác: Không có!

6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- ❖ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
- ❖ Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :
 - + NPL: 404.600 kg
 - + Dịch chiết +Rượu+ cồn: 46.650 lít
 - + Nang: : 41.000.000 cái
- ❖ Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :
 - + PVC + Nhôm + màng co...: 183.000 kg
 - + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn... : 115.970.000 cái

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp 2.302.532 KWh/ năm

- + Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất : 2.271.000 KWh
- + Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 31.320 KWh

b. Tiêu thụ nước:

- ❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
 - + Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế
 - + Số lượng nước đã sử dụng: 15.046 m³/Năm
 - ✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 14.511 m³/Năm
 - ✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 535 m³/Năm
- ❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

c. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 304.698.000 đồng

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- ❖ Số lao động trung bình trong năm 2024: 211 người
- ❖ Mức lương và thu nhập trung bình 2024: 8,9 triệu đồng/ tháng
- b. Thực hiện đầy đủ các Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động:
 - ❖ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 3100 giờ/năm
 - ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp
 - ❖ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp

6.6/ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- ❖ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh; Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế
- Ủng hộ chương trình Xóa nhà tạm : 10.000.000 VNĐ
- Ủng hộ hội nghị khoa bảng & phẫu thuật : 50.000.000.VNĐ
- Mảnh ghép yêu thương (hội chữ thập đỏ) : 40.000.000 VNĐ
- Hội miễn dịch yêu thương ung thư : 10.000.000 VNĐ
- Ủng hộ đồng bào thiên tai tại Phú Yên : 50.000.000 VNĐ
- Ủng hộ lũ lụt tại phường Hóa châu : 50.000.000 VNĐ
- ❖ Giá trị: 210 Triệu đồng

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.245,795	990	890	90
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,574	24,174	23,315	96
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,804	17,840	18,132	101

b) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- ❖ Hoạt động sản xuất: Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ –đạt 111%/kế hoạch, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng

đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;

❖ Về tình hình kinh doanh:

- Năm 2025 MPC đã cơ cấu lại doanh thu các nhóm hàng kinh doanh theo hướng giảm bớt doanh thu nhóm hàng thành phẩm nhập khẩu, kinh doanh nội địa, mở rộng phát triển doanh thu hàng sản xuất tại doanh nghiệp đạt 400 tỷ /890 tỷ tổng doanh thu → nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn so với kế hoạch và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC (hiện đạt 45%)
- MPC tiếp tục tham dự và trúng thầu các gói thầu quốc gia
- Thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì, mở rộng, phát triển ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu vượt mốc trên 2 triệu USD, tạo nguồn ngoại tệ dự trữ phục vụ Nhập khẩu

❖ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.

❖ Công tác quản lý kinh tế - tài chính ngày càng được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả

❖ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 23.315.505.102 đồng – đạt 96% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua
- Lợi nhuận sau thuế: 18.132.849.284 đồng – đạt 101%% so với chỉ tiêu ĐHĐCĐ đã thông qua

a) **Tình hình tài chính:** Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản VNĐ	Tài sản ngắn hạn VNĐ	Tài sản dài hạn VNĐ
Số đầu năm	627 180 073 685	587 813 906 810	39 366 166 875
Số cuối năm	613 826 763 444	572 386 610 782	41 440 152 662

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2025) là 322 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi 27 tỷ đồng chiếm 8.3% Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 27 tỷ đồng

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn là 485 tỷ đ; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn

Thời gian	Nợ ngắn hạn VNĐ	Phải trả người bán VNĐ	Vay Ngân hàng VNĐ
Số đầu năm	505 917 734 333	126 314 563 688	359 726 313 912
Số cuối năm	485 877 579 139	94 227 216 600	370 850 552 969

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Tiếp tục Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả ... của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới
- ❖ Mở rộng nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN
- ❖ Quản trị Tài chính: Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký lai với các ngân hàng thương mại; Thực hiện báo cáo đánh giá quản trị nội bộ hàng quý/năm để kịp thời có các giải pháp xử lý bất cập phát sinh...

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 5 (2025-2030) đã thông qua

1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH năm 2025	Dự kiến KH năm 2026	% KH 2026/TH 2025	%KH 2026/KH20 25
1	Sản xuất:					
a	Sản phẩm quy đổi	Triệu SPQĐ	48	45		KH 2026/nhiệm kì 5 là 44 tr
b	Doanh thu SX	Tỷ đồng	400	400	100%	108%

TT	Chỉ tiêu	ĐV	TH năm 2025	Dự kiến KH năm 2026	% KH 2026/TH 2025	%KH 2026/KH20 25
2	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đ	890	990	112%	100%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	23,3	23.3	100%	100%
4	Lợi nhuận sau thuế:	Tỷ đ	18,132	18.573	102%	104%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	Tỷ đ	Dự kiến 10% (ĐHĐCĐ biểu quyết)	Dự kiến 10% (Theo KH NK5)	100%	100%
6	Trích các quỹ	Tỷ đ	(ĐHĐCĐ biểu quyết)			
7	Vốn điều lệ	Tỷ đ	74,554	74,554	74,554	100%
8	Đầu tư phát triển	Tỷ đ	7.2	20.94		
a	KH đầu tư 2025 chuyển tiếp 2026	Tỷ đ		6.45		
b	KH đầu tư 2026	Tỷ đ		14.49		
c	Hoàn thành Dự án Đầu tư Xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP	Tỷ đ		40		

2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2026:

a) Tổ chức – Lao động:

Tập trung tuyển dụng , đào tạo nhân lực nghiên cứu , sản xuất , quản lí chất lượng để đáp ứng công tác Sản xuất , phát triển sản phẩm mới và đáp ứng nhân lực quản lí , triển khai và vận hành các Dự án đầu tư

b) Tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới, giảm Giá thành , Giá bán nhóm hàng sản xuất để đủ sức cạnh tranh trên thị trường (OTC/ETC) với các giải pháp đồng bộ:

- ❖ Tiếp tục nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ, quy cách đóng gói , nâng cao chất lượng sản phẩm; Khai thác công suất tối đa từ thiết bị sản xuất , đóng gói đã được đầu tư , đào tạo nâng cao tay nghề nhằm tăng năng suất lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành sản phẩm
- ❖ Tiếp tục phương án Cơ cấu lại hệ thống Kinh doanh,ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại Doanh nghiệp qua các nhà phân phối chuyên nghiệp
- ❖ Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm, đăng ký các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp

c) Tập trung ổn định và Mở rộng thị trường Xuất khẩu tại Myanmar, các nước Tây á thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cấp update tiêu chuẩn GMP

gồm cơ sở Nhà máy- Hồ sơ - Quản lý chất lượng - Nhân sự để sẵn sàng cho việc Thanh tra cấp số đăng ký thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lý dược nước ngoài

d) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới :

- ❖ Tiếp tục Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới ; Thực hiện chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ theo hướng:
 - Bước đầu Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền.
 - Chiến lược phát triển Thuốc có công nghệ bào chế mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh
 - Duy trì số ĐKT của sản phẩm có sản lượng, Doanh thu, lợi nhuận để ổn định việc làm, thu nhập của người lao động và chi phí sản xuất
- ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm đáp ứng thị trường (OTC/ETC) và xuất khẩu
- ❖ Xây dựng Hồ sơ Đăng ký thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
- ❖ KH sản phẩm mới 2026: 37 sản phẩm – Trong đó:
 - SDK thuốc được cấp trong nước: 29 SP
 - SDK thuốc được nước ngoài cấp: 8 SP

e) Hệ thống quản lý chất lượng:

- ❖ Kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng theo các chuẩn mục GPs update nhằm bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh. Thực hiện các văn bản của Cục QLD-BYT v/v tăng cường tuân thủ GMP và QLCL
- ❖ Hoàn chỉnh hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận môi trường cho các Nhà máy sản xuất , Kho bảo quản thuốc của doanh nghiệp
- ❖ Duy trì để tái cấp các Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất- Kinh doanh- Xuất nhập khẩu của Bộ y tế- Sở y tế và Sở Ban Ngành liên quan Chuẩn bị cho công tác tái kiểm tra GMP, GSP vào Quý 4/2026
- ❖ Sẵn sàng cơ sở vật chất, Hồ sơ quản lý, Nhân sự cho việc Thanh tra cấp số đăng ký thuốc xuất khẩu của các cơ quan quản lý dược nước ngoài
- ❖ Triển khai áp dụng các quy định (Luật, Nghị định, Thông tư, Quy định ...) mới theo Luật Dược ban hành từ 2025

f) Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
- ❖ Xây dựng giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD và đầu tư phát triển; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định
- ❖ Kí kết hợp đồng tín dụng tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và đầu tư phát triển năm 2025
- ❖ Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2026 để bảo đảm cổ tức và bổ sung quỹ phát triển sản xuất
- ❖ Lập phương án khả thi về nguồn vốn để hợp tác đầu tư các Dự án trọng điểm

- g) Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương
- h) Thực hiện các báo cáo và công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty lưu ký chứng khoán; Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
- i) Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2026 và Mục tiêu, định hướng phát triển, Chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026

4. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán so với năm trước theo quy định của Chứng khoán: Không có

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương Mở rộng sản xuất để thu hút thêm lao động trên đại bàn TT Huế

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- ❖ Hội đồng quản trị đã giám sát cùng với Tổng giám đốc, các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp thực hiện đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- ❖ Đặc biệt, năm 2025 đã nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 48 triệu SPQĐ – đạt 111 %/kế hoạch – Gấp 3 lần giai đoạn năm 2015-2020, với giá trị sản lượng 320 tỷ đồng đạt tỷ lệ 110%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2025 đến 2030 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ❖ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- b. Tổng giám đốc (TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- c. Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều

lệ và pháp luật hiện hành; Có các biện pháp Quản lý chặt chẽ Công nợ và thực hiện cơ bản đạt các chỉ số, điều kiện của các hợp đồng tín dụng đã ký kết với các Ngân hàng thương mại năm 2025

- d. Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2025 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2026 theo đúng quy định hiện hành
- e. Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026:

- a. Tiếp tục thực hiện các Mục tiêu – định hướng phát triển – Chỉ tiêu kế hoạch tổng thể nhiệm kì 5 (2025-2030) đã được ĐHĐCĐTN 2025 thông qua
- b. Đáp ứng ứng Mục tiêu chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam để ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lí và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân
- c. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Doanh nghiệp.: Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu “ MEDIPHARCO” ; Phát triển sản xuất Thuốc, khai thác tối đa công suất Nhà máy, thiết bị góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng; Tuân thủ các giải pháp bảo vệ Môi trường
- d. Phương hướng phát triển năm 2026: Tiếp tục:
 - Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm theo hướng tiếp cận từng bước Nghiên cứu Chiến lược khai thác sớm thuốc hết bản quyền, phát triển nhóm thuốc công nghệ mới, thuốc có hoạt chất mới trong điều trị bệnh.... phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của doanh nghiệp cũng như đáp ứng Danh mục sản phẩm cho các Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy công nghệ cao - tiêu chuẩn EU trong tương lai.
 - Nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ;
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN , đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư của doanh nghiệp.

- Tiếp tục Mở rộng hợp tác nghiên cứu- Sản xuất- Kinh doanh toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước! Xây dựng chiến lược đẩy mạnh kinh doanh nhóm sản phẩm sản xuất tại doanh nghiệp
- Tiếp tục Xúc tiến thương mại , Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á... ; Phát triển đăng kí lưu hành thuốc nước ngoài; Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu
- Tiếp tục các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Quản trị dòng tiền có hiệu quả để giảm công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- Áp dụng, triển khai thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong doanh nghiệp
- Phương hướng Đầu tư phát triển doanh nghiệp:
 - Hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP
 - Nghiên cứu báo cáo khả thi , tìm đối tác trong và ngoài nước và xác định hình thức hợp tác góp vốn, xây dựng phương án tối ưu để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU
 - Tiếp tục nghiên cứu Dự án đầu tư Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO.

e. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 dự kiến:

TT	Chỉ tiêu	ĐV	KH 2025	TH 2025	KH 2026	% TH/KH 2025	% Kh2026/TH2025
					Trình ĐHCĐ 2026		
1	Sản phẩm quy đổi	Triệu SP	43	48.5	45	112	93
2	Doanh thu SX	Tỷ đồng	290	400	400	137	100
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	990	890	990	90	111
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24.17	23.31	23.31	96	100
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17.84	18.132	18.5	101	102
6	Tỷ lệ cổ tức (%)	%	10%		10%	100	100

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- ❖ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2025: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT –Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

- ❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK5 ngày 19/4/2025

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- ❖ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lí hoạt động của công ty cổ phần

- ❖ **Cụ thể: Đã Ban hành 23 Nghị quyết về:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
B1	BB&NQ THUỘC NHIỆM KÌ 4 (1/1 ĐẾN 21/4/25)			
1	Số 01/2025/NQ/HĐQT-NK4	02/01/25	• HĐQT phê duyệt thay đổi giấy tờ pháp lí do thành lập TP Huế trực thuộc TW	100%
2	Số 02/2025/ BB-HĐQT-NK4	22/03/2025	• HĐQT thống nhất Phê duyệt hệ thống camera giám sát	100%
3	Số 03/2025/BB_HĐQT	1/3/2025	• Thông qua Báo cáo QTNB, Kết quả Báo cáo kiểm toán , Báo cáo Thường niên 2024 và Kế hoạch Tổ chức Đại hội ĐCĐTN 2025	100%
4	Số 04/2025/NQ/HĐQT	14/04/2025	• PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ NHẬN BÀN GIAO VÀ THAY THẾ DS TRẦN DUY MINH NGHỈ CÔNG TÁC	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			•	
5	Số 05/2025/NQ/HĐQT	16/04/2025	• Phê duyệt kế hoạch & hình thức đấu thầu mua sắm theo KH đầu tư 2025	100%
B2	Từ NK5 (Từ 21/4/25):		•	
6	01/2025/NQ/HĐQT	21/4/25	• Nghị quyết bầu CTHĐQT- TGD	100%
7	02/2025/NQ/HĐQT		• Thống nhất chỉ định Thư kí và Người quản trị nội bộ HĐQT- NK5 • Phân công các thành viên HĐQT đặc trách theo dõi các hoạt động điều hành chính của HĐQT - nhiệm kì 5 • thống nhất bộ máy tổ chức điều hành hoạt động công ty và bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lí của công ty nhiệm kì 5 • Phân công nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty giữa CTHĐQT và Tổng giám đốc • thống nhất kế hoạch trọng tâm của HĐQT Quý 2/2025 • KH chi trả cổ tức 2024	100%
8	QĐ 03/2025/NQ/HĐQT	ngày 24/04/2025	• Khen thưởng HĐQT- Ban KS- Cán bộ	100%
9	04/2025/NQ/HĐQT	Ngày 28/4/25	• Nghị quyết HĐQT v/v Bổ sung ngân hàng ACB- CN Huế. Giao dịch tín dụng năm 2025	100%
10	05/2025/NQ/HĐQT	Ngày 3/6/25	• Phê duyệt chủ trương đầu tư phương tiện vận chuyển (Ô tô) phục vụ Sản xuất kinh doanh	100%
11	06/2025/NQ/HĐQT	Ngày 23/6/25	• Phê duyệt chọn đơn vị tư vấn TKKT-DT của Dự án Nhà máy Đông được	100%
12	07/2025/NQ/HĐQT	Ngày 9/7/25	• Phê duyệt Tự nguyện trả lại đất lô đất số CY 875450 tại Phường Phú bài – Thành phố Huế	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	08/2025/NQ/HĐQT	Ngày 10/7/25	Về Việc chia tách "Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Dược - Mỹ phẩm - Thực phẩm ; Kho bảo quản Thuốc "	100%
14	09/2025/NQ/HĐQT	Ngày 4/8/25	Phê duyệt Bổ sung Đầu tư hệ thống Phòng cháy chữa cháy	100%
15	10/2025/NQ/HĐQT	Ngày 25/8/25	- Về thông qua triển khai kế hoạch kinh doanh hằng năm, đầu tư tài sản cố định năm 2025 và việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Huế	100%
16	11/2025/NQ/HĐQT	Ngày 11/9/25	Phê duyệt v/v vay vốn, bảo lãnh, mở tín dụng thư, chiết khấu và bảo đảm cấp tín dụng tại Vietinbank	100%
17	12/2025/NQ/HĐQT	Ngày 22/9/25	- V/V Thống nhất chủ trương tiếp tục Nghiên cứu Dự án Tiền khả thi/Khả thi đầu tư nhà máy SX Thuốc non Betalactam công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU - tại Khu CN Phú bài	100%
18	13/2025/NQ/HĐQT	24/9/25	QĐ thành lập Ban QLDA lâm thời nghiên cứu Dự án Tiền khả thi/Khả thi đầu tư nhà máy SX Thuốc non Betalactam công nghệ cao theo tiêu chuẩn GMP-EU	100%
19	14/2025/NQ/HĐQT	Ngày 3/11/25	Phê duyệt chủ trương đầu tư phương tiện vận chuyển (Xe điện nâng hàng) phục vụ Sản xuất kinh doanh	100%
20	15/2025/NQ/HĐQT	Ngày 18/11/25	- Thông qua Báo cáo Quản trị nội bộ về ước thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2025 của Medipharco - Thông qua Mục tiêu- Phương hướng - Chỉ tiêu kế hoạch tổng thể năm 2026 - Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2026	100%
21	16/2025/NQ/HĐQT	Ngày 20/11/25	HĐQT thống nhất Tờ trình của Trưởng Ban kiểm soát v/v đề xuất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	17/2025/NQ/HĐQT	Ngày 1/12/25	- V/v vay vốn, phát hành bảo lãnh, mở LC, phát hành xác nhận cung cấp tín dụng, thủ tục bảo hiểm, thế chấp và cầm cố tài sản tại - Ngân hàng TMCP Quân đội – Huế	100%
23	18/2025/NQ/HĐQT	Ngày 12/12/2025	Phê duyệt kế hoạch tổng thể và chi tiết năm 2026	100%

❖ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:**

- ✓ Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua
 - ✓ Giám sát thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
 - ✓ Giám sát và phê duyệt, thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty Công tác Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Giám sát và phê duyệt phương án đầu tư ... cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
 - ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2026 đề trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 ;Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lý điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT& Ban KS .
 - ✓ Giám sát việc thực hiện Quy chế Dân chủ, Quy chế phối hợp giữa Tổng giám đốc với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp đã xây dựng theo đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính, Quy chế khen thưởng, kỉ luật... để bảo vệ lợi ích chính đáng , hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
 - ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành
 - ✓ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính: theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần
- ❖ HĐQT quản lý- giám sát Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lý của TGD và KTT

❖ Giám sát việc thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2024 bằng tiền sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 biểu quyết thông qua đúng quy định
 - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty (của VCCI tổ chức): Tham gia đầy đủ các Hội nghị triển khai hướng dẫn, quy định và chương trình đào tạo các nội dung liên quan của UBCKNN và HNX tổ chức

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 30/12/2025:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1, 059%
2	Ông Phan Thanh Hà	TV	Dược sỹ đại học	0%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

- ❖ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cẩn trọng trong quản lý, điều hành Công ty
- ❖ Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động của doanh nghiệp theo đúng Điều lệ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý
- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Giám sát thực hiện kế hoạch SX-KD và đánh giá hiệu quả của HĐQT-TGD thông qua các báo cáo sơ kết Quý/6 tháng/Năm

❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

❖ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

❖ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

DVT: triệu đồng VN

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	120	100
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	72	120
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	72	50
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	48	10
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	10	5
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	24	6
9	Phan Thanh Hà	Thành viên BKS	14	
	Cộng		360	291

❖ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2025: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 1.106 triệu đồng, đã đã bao gồm lợi ích khác

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT: Không thay đổi!

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2024		Cuối năm 31/12/2024	
			Số CP	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96 505	1,29	96 505	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	625 266	8,39	625 266	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1 131 196	15,17	1 131 196	15,17

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Đến thời điểm 31/12/2025: Không có!

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có!

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- ❖ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung, Trình tự hiện hành
- ❖ **Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên

VI. Báo cáo tài chính:

1) Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận báo cáo tài chính năm 2025 của Doanh nghiệp

2) BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

a. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2025:

ĐV: VNĐ

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1 292 137 968 299	896 932 144 316
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	5 236 317 340	6 887 556 410
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	1 286 901 650 959	890 044 587 906
4	Giá vốn hàng bán	11	1 185 416 737 048	802 210 058 426
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	101 484 913 911	87 834 529 480

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2024	Năm 2025
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3 081 118 527	2 616 752 440
7	Chi phí tài chính	22	25 254 890 510	22 915 130 060
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	24 637 964 982	22 821 369 219
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9	Chi phí bán hàng	25	25 343 667 115	17 010 251 657
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32 581 325 723	25 336 679 778
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	21 386 149 090	25 189 220 425
12	Thu nhập khác	31	316 710 496	1 122 500 304
13	Chi phí khác	32	128 790 787	2 996 215 627
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	187 919 709	-1 873 715 323
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	21 574 068 799	23 315 505 102
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3 770 043 189	5 182 655 818
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60	17 804 025 610	18 132 849 284

a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2025):

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2024	31/12/2025
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	587 813 906 810	572 386 610 782
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	18 218 584 195	72 746 418 964
1	Tiền	111	18 218 584 195	72 746 418 964
2	Các khoản tương đương tiền	112	-	2 000 000 000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	45 400 000 000	42 565 450 000
1	Chứng khoán kinh doanh	121		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	45 400 000 000	42 565 450 000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	419 024 229 977	317 146 277 330
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	417 735 178 962	322 721 220 455
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	20 325 566 738	20 428 590 311
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	1 874 489 716	1 031 221 701
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(20 911 005 439)	(27 034 755 137)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV	Hàng tồn kho	140	94 487 796 273	123 381 671 593
1	Hàng tồn kho	141	102 502 721 760	129 179 857 639
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(8 014 925 487)	(5 798 186 046)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	10 683 296 365	14 546 792 895
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	638 179 656	1 324 557 284
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	9 567 301 840	12 751 788 971
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	477 814 869	470 446 640
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5	Tài sản ngắn hạn khác	155		
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	39 366 166 875	41 440 152 662
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		

6	Phải thu dài hạn khác	216		
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II	Tài sản cố định	220	35 715 820 649	33 291 332 365
1	Tài sản cố định hữu hình	221	35 715 820 649	33 291 332 365
	- Nguyên giá	222	114 471 193 018	121 690 480 442
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(78 755 372 369)	(88 399 148 077)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3	Tài sản cố định vô hình	227		
	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
III	Bất động sản đầu tư	230		
	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		6 611 819 968
1	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6 611 819 968
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1	Đầu tư vào công ty con	251		
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI	Tài sản dài hạn khác	260	3 650 346 226	1 537 000 329
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	3 650 346 226	1 537 000 329
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4	Tài sản dài hạn khác	268		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	627 180 073 685	613 826 763 444
	NGUỒN VỐN	Mã số		
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	516 440 749 486	492 939 515 961
I	Nợ ngắn hạn	310	509 087 334 333	485 877 579 139
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	126 314 563 688	94 227 216 600
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	3 640 925 662	6 496 928 344
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	412 766 993	673 759 083
4	Phải trả người lao động	314	6 979 706 411	5 119 315 536
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	887 692 721	808 143 143
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		

8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	7 527 126 450	7 701 663 464
0	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	359 726 313 912	370 850 552 969
1	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	428 638 496	
3	Quỹ bình ổn giá	323		
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II	Nợ dài hạn	330	7 353 415 153	7 061 936 822
1	Phải trả người bán dài hạn	331		
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7	Phải trả dài hạn khác	337		
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	7 353 415 153	7 061 936 822
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	110 739 324 199	120 887 247 483
I	Vốn chủ sở hữu	410	110 739 324 199	120 887 247 483
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	(92 000 000)
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	10 202 878 043	20 021 952 043
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	6 358 309 755	6 358 309 755
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18 234 348 278	18 563 197 562
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	430 322 668	430 348 278
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	17 804 025 610	18 132 849 284
2	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1	Nguồn kinh phí	431		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	627 180 073 685	613 826 763 444

Huế, ngày 14 tháng 03 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi gửi:

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty



DS. PHAN THỊ MINH TÂM

